CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Gang thép Thái Nguyên

Ngày 31/12/2025	5,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.3%	**0%**	**-5.6%**

DT thuần
Q4/25
3,003
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 246| 8.9%
YoY: ▲ 46.0| 1.6%

LN thuần
Q4/25
13.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 34.8| 164%
YoY: ▼14.5| -51.5%

LN sau thuế
Q4/25
7.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.9| 162%
YoY: ▼66.7| -89.8%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
1.1%
YoY: +/-▼ 0.3%

ROE
2025
0.0%
YoY: +/-▲ 0.5%

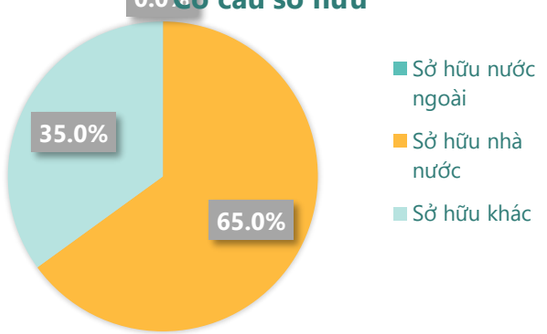
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 7,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	938
Số lượng CPLH (CP)	183,988,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,095
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.71
EPS	3
P/E	1924.2

DT thuần
2025
11,992
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,391| 13.1%

LN thuần
2025
-4.84
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.3| 92.2%

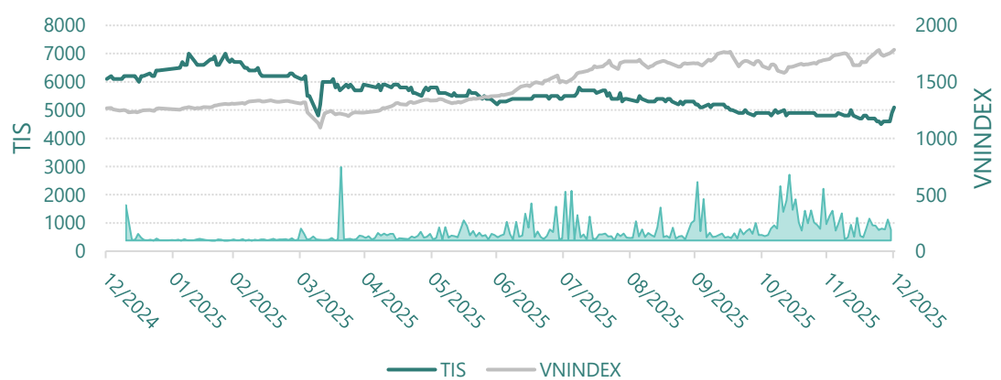
LN sau thuế
2025
0.63
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.30| 108%

Cơ cấu sở hữu

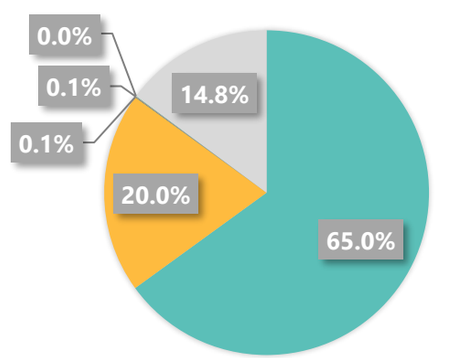


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

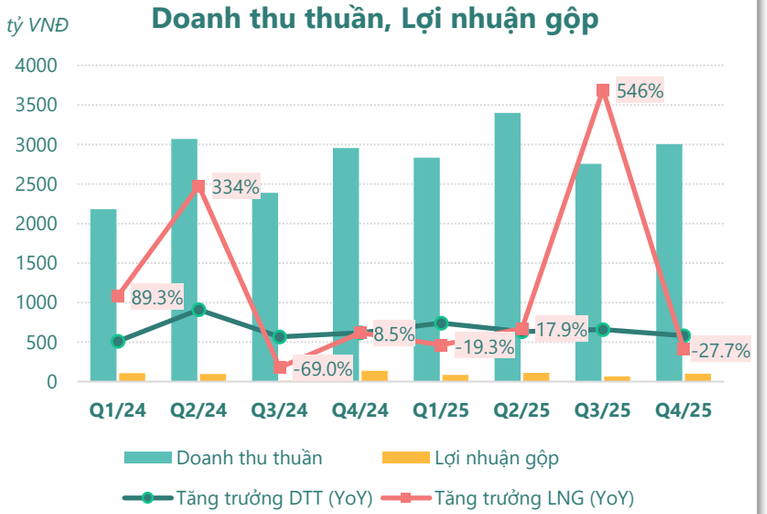




(Nguồn: fireant.vn)

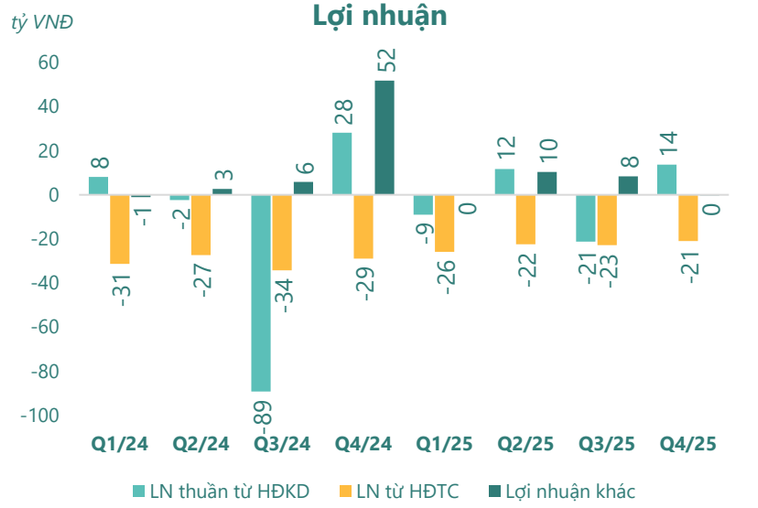
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



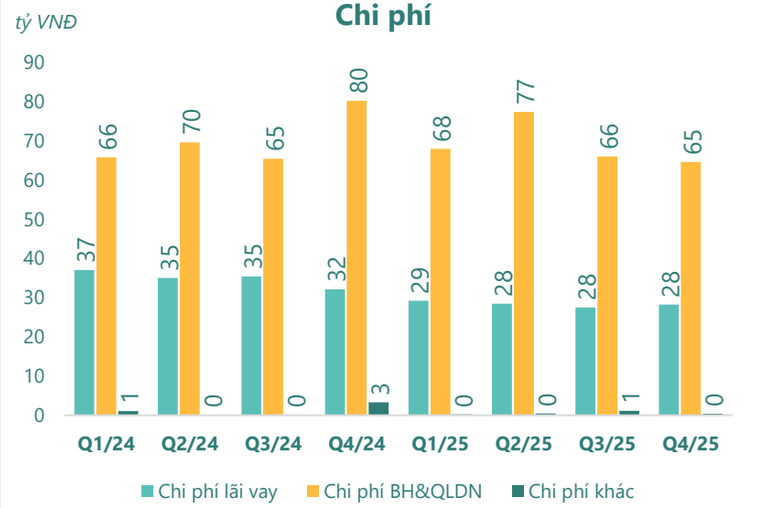
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



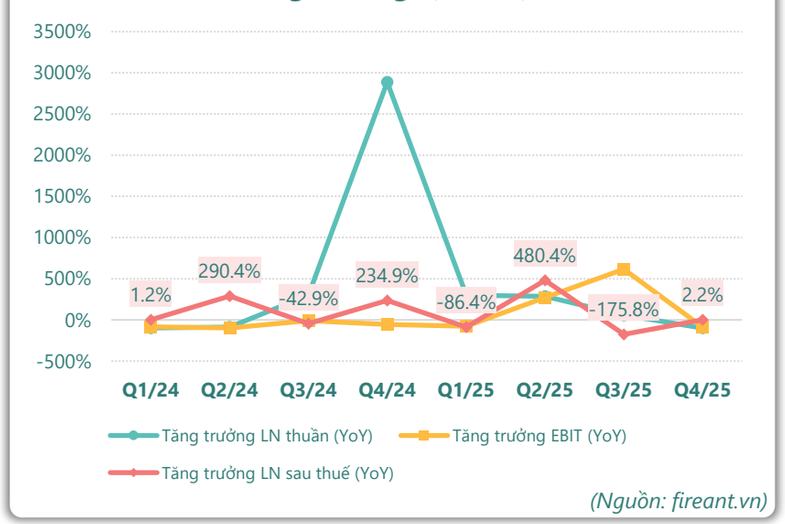
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



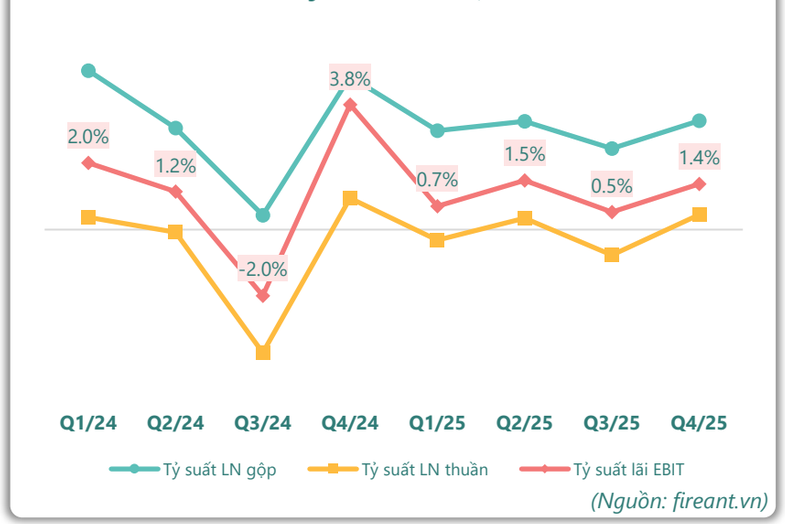
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



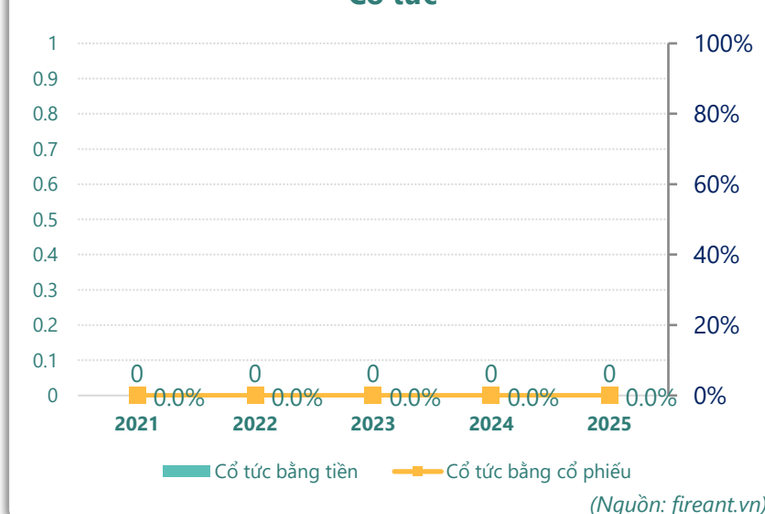
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

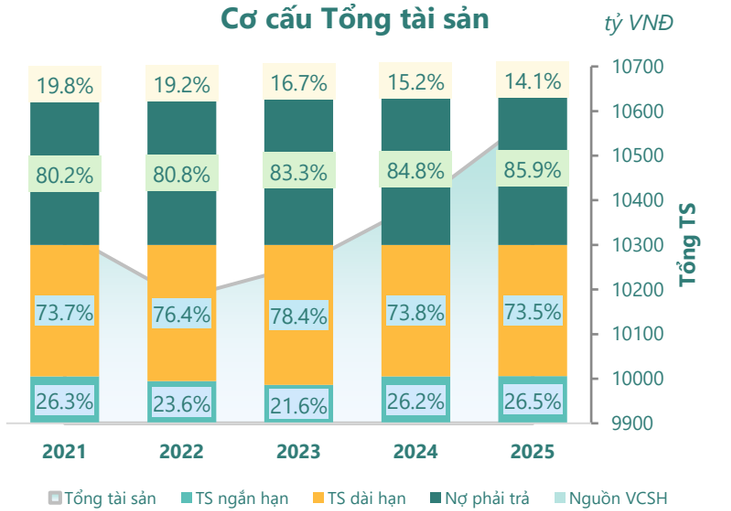
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

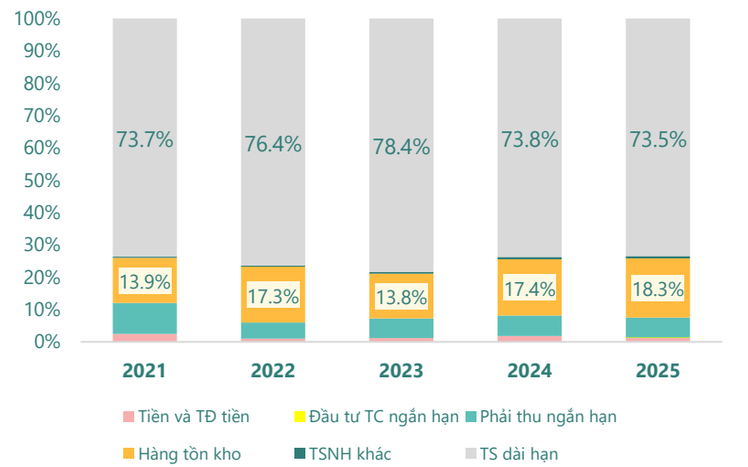
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



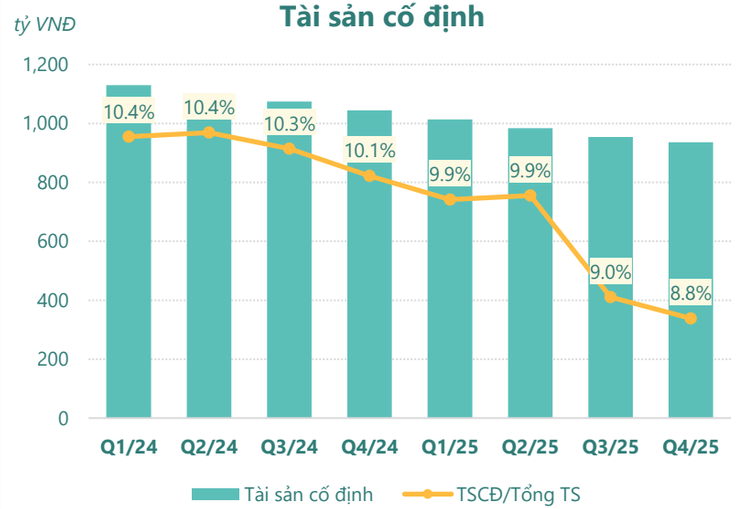
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



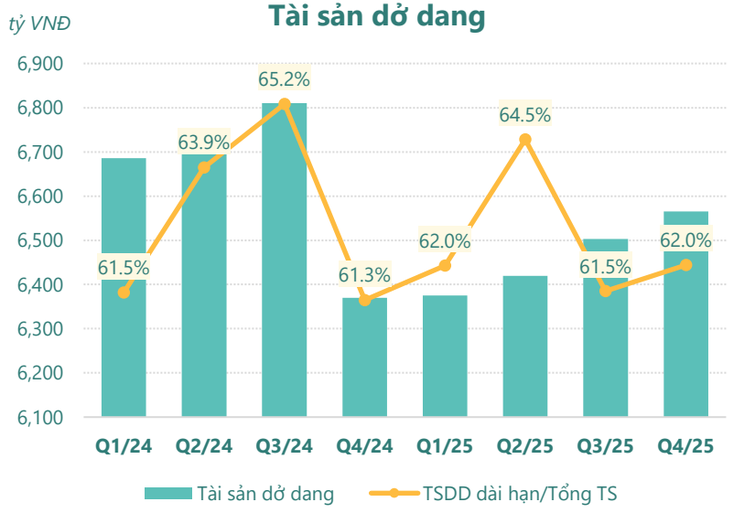
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



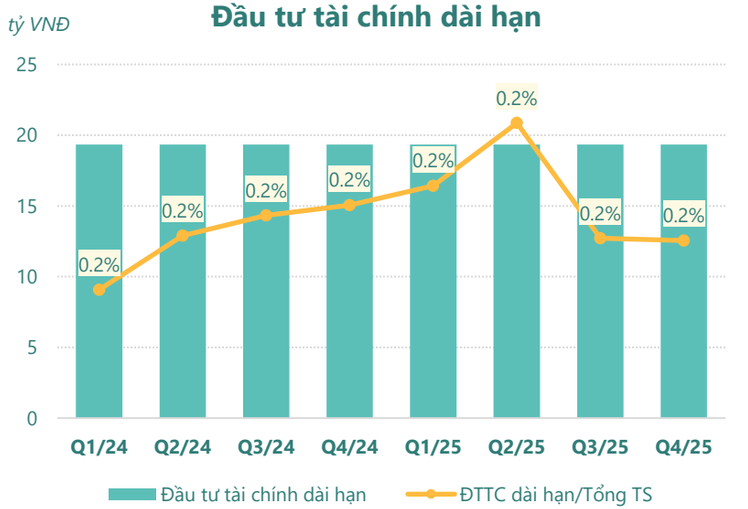
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



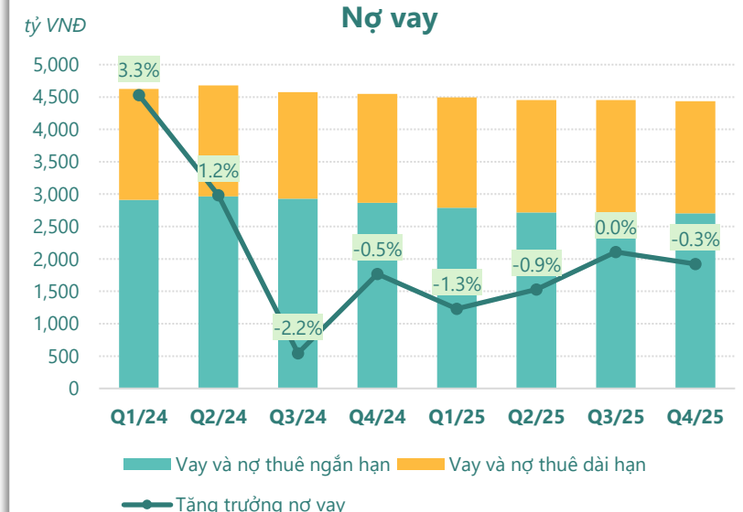
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

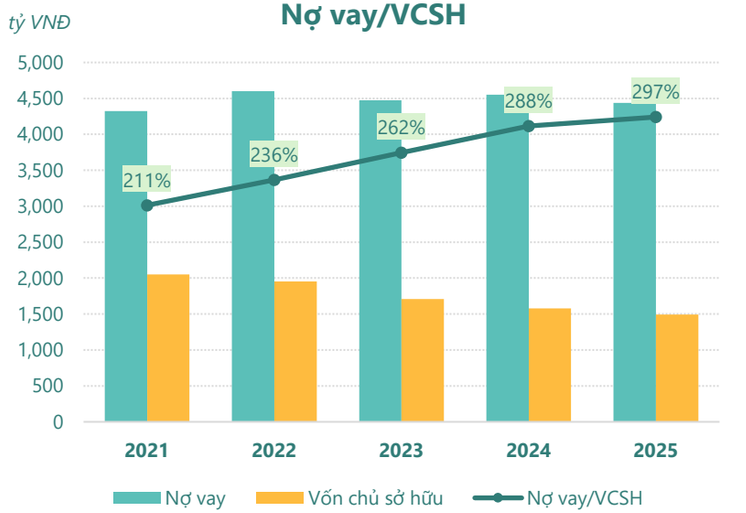
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



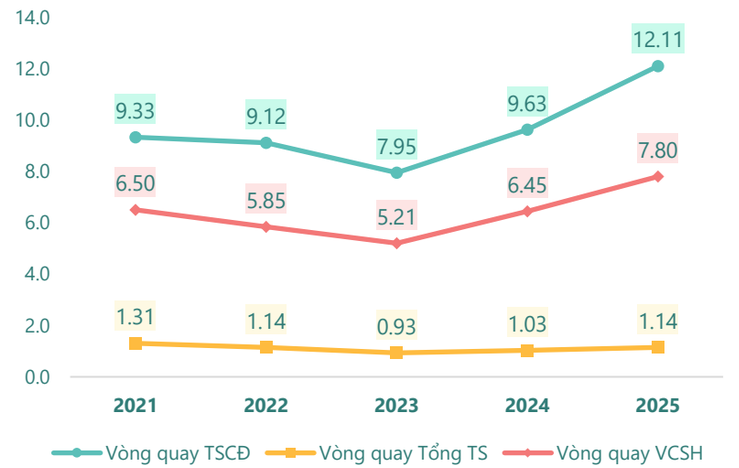
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



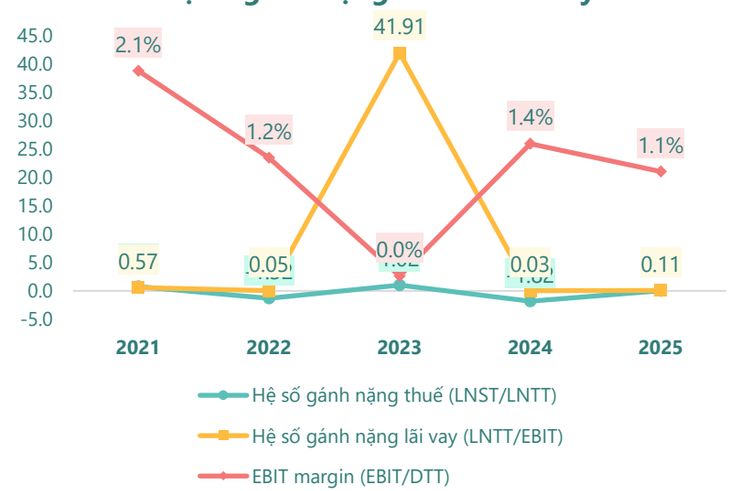
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



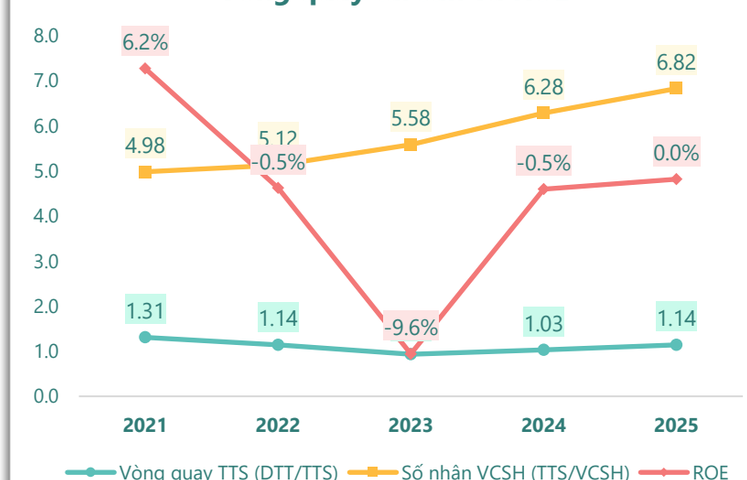
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



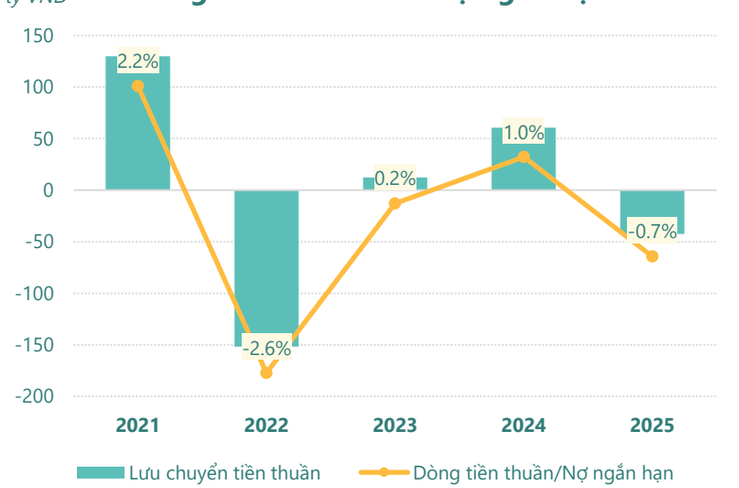
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,003**	**2,957**	**1.6%**	**11,992**	**10,601**	**13.1%**
Giá vốn hàng bán	2,904	2,820	3.0%	11,628	10,261	13.3%
Lợi nhuận gộp	99.2	137	-27.6%	363	341	6.7%
Doanh thu HĐTC	7.65	3.45	122%	23.0	19.3	19.5%
Chi phí TC	28.7	32.4	-11.5%	115	141	-18.1%
Chi phí lãi vay	28.3	32.1	-11.9%	113	140	-18.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	18.5	17.0	8.5%	64.9	51.0	27.2%
Chi phí QLDN	**46.1**	**63.2**	**-27.0%**	**211**	**230**	**-8.3%**
LN thuần từ HĐKD	13.6	28.1	-51.5%	-4.84	-62.1	92.2%
Lợi nhuận khác	**-0.26**	**51.8**	**-101%**	**18.5**	**66.3**	**-72.1%**
LN trước thuế	13.4	79.9	-83.3%	13.7	4.22	224%
Lợi nhuận sau thuế	**7.59**	**74.3**	**-89.8%**	**0.63**	**-7.67**	**108%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.54**	**74.3**	**-89.8%**	**0.49**	**-8.38**	**106%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	84.5	61.9	-65.4	167	-83.9	122
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.63	1.01	-4.64	-2.69	-0.26	-7.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-55.9	-78.0	-77.0	-69.4	-11.8	-9.26
Tiền đầu kỳ	175	201	178	30.5	126	30.0
Lưu chuyển tiền thuần	**26.0**	**-15.0**	**-147**	**95.4**	**-95.9**	**105**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0.01	0.00	0.00	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	201	186	30.5	126	30.0	135

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**10,587**	**10,390**	**1.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,807	2,725	3.0%
Tiền và tương đương tiền	135	186	-27.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.31	0	
Phải thu ngắn hạn	658	663	-0.7%
Hàng tồn kho	1,938	1,805	7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	71.8	71.1	1.0%
Tài sản dài hạn	**7,780**	**7,665**	**1.5%**
Phải thu dài hạn	66.3	63.8	4.0%
Tài sản cố định	937	1,045	-10.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6,565	6,370	3.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	19.3	19.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**193**	**167**	**15.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9,093	8,811	3.2%
Nợ ngắn hạn	**6,286**	**6,181**	**1.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,703	2,866	-5.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	981	1,074	-8.7%
Nợ dài hạn	2,806	2,630	6.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,734	1,684	3.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,495**	**1,579**	**-5.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1,495**	**1,579**	**-5.4%**
Vốn điều lệ	1,840	1,840	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)